

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**  
**YENBAI JOINT-STOCK FORES-AGRICUL TURAL AND FOODSTUFFS COMPANY**

Address: 279 Nguyen Phuc – Nguyen Phuc Ward – Yen Bai City – Yen Bai Province

Email: [Yfatuf@gmail.com](mailto:Yfatuf@gmail.com)

Website: [www.yfatuf.com.vn](http://www.yfatuf.com.vn)



## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

### **QUÝ III NIÊN ĐỘ 2022-2023**

Kính gửi:.....



CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG  
SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI  
Mã CK: CAP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 338/KT

V/v công bố thông tin

Yên Bái, ngày 20 tháng 07 năm 2023

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)

1. Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI
2. Mã chứng khoán: CAP
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái
4. Điện thoại: 02163.862.278 - Fax: 02163.862.804
5. Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Thanh Sơn
6. Điện thoại: 0944278586
7. Loại thông tin công bố:  24 giờ  72 giờ  Bất thường  Theo yêu cầu  Định kỳ
8. Nội dung công bố thông tin:
  - 8.1. Báo cáo tài chính tổng hợp quý III niên độ 2022-2023 (kỳ kế toán từ 01/04 đến 30/06/2023):
    - Bảng cân đối kế toán;
    - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
    - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
    - Bản thuyết minh báo cáo tài chính;
  - 8.2. Nội dung giải trình:
    - Công văn số 338.f./KT ngày 20/07/2023 về việc giải trình chênh lệch 10% lợi nhuận sau thuế so với cùng kỳ năm trước của báo cáo tài chính tổng hợp.
9. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính tại [www.yfatuf.com.vn](http://www.yfatuf.com.vn)  
Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VP



CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG  
SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI  
Mã CK: CAP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 334/KT

Yên Bái, ngày 20 tháng 07 năm 2023

V/v giải trình chênh lệch 10% lợi  
nhuận sau thuế so với cùng kỳ năm  
trước tại BCTC tổng hợp

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)

Thực hiện theo khoản 4, điều 14, chương III, thông tư 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 16/11/2020. Công ty cổ phần lâm nông sản thực phẩm Yên Bái xin giải trình nguyên nhân biến động lợi nhuận sau thuế của kỳ này so với cùng kỳ năm trước như sau:

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty quý III niên độ 2022-2023 (từ ngày 01/04 đến 30/06/2023) có kết quả như sau:

- Lợi nhuận sau thuế TNDN cho kỳ kế toán : 48.920.931.295 đồng  
này niên độ 2022-2023
- Lợi nhuận sau thuế TNDN cho kỳ kế toán : 28.551.583.597 đồng  
này niên độ 2021-2022
- Chênh lệch tăng : 71%

**Nguyên nhân:**

- Việc sản xuất kinh doanh các sản phẩm của Công ty tương đối ổn định, đồng thời quý III niên độ (từ 01/04-30/06/2023) cũng thời điểm cao trong tiêu thụ mặt hàng Tinh bột sắn.

- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng so với cùng kỳ năm trước là 17%;

- Giá vốn bán hàng tăng so với cùng kỳ năm trước là 5%;

- Chi phí bán hàng tăng so với cùng kỳ năm trước là 29%;

Từ những nguyên nhân trên dẫn đến lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính tổng hợp năm nay tăng so với cùng kỳ năm trước.

Trân trọng!

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- Lưu: VP.



107  
ON  
S F  
N C  
UC  
BN  
BÁ

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

09 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (30/06/2023)	Số đầu năm (01/10/2022)
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>264.145.069.015</b>	<b>188.515.183.067</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.1	<b>191.747.768.395</b>	<b>153.562.737.459</b>
1. Tiền	111		15.347.768.395	26.362.737.459
2. Các khoản tương đương tiền	112		176.400.000.000	127.200.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>38.339.780.896</b>	<b>17.568.182.688</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	33.512.934.656	16.287.678.416
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	2.243.262.500	245.258.500
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	2.589.241.290	1.040.903.322
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.5	(5.657.550)	(5.657.550)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>33.056.380.948</b>	<b>17.146.104.503</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.6	33.056.380.948	17.146.104.503
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.001.138.776</b>	<b>238.158.417</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	568.297.795	145.494.540
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		432.840.981	92.663.877
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>38.522.469.270</b>	<b>44.505.340.905</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-

16  
37  
H.  
N  
P  
B  
1-7

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

09 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (30/06/2023)	Số đầu năm (01/10/2022)
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>31.804.986.517</b>	<b>38.021.917.787</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	31.804.986.517	38.021.917.787
- Nguyên giá	222		180.049.221.875	177.076.240.922
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(148.244.235.358)	(139.054.323.135)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	0	-
- Nguyên giá	228		171.000.000	171.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(171.000.000)	(171.000.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>6.120.828.347</b>	<b>3.411.653.220</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	6.120.828.347	3.411.653.220
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	V.13	<b>596.654.406</b>	<b>3.071.769.898</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	596.654.406	3.071.769.898
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-

11/06/2023 14:41

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

09 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (30/06/2023)	Số đầu năm (01/10/2022)
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>302.667.538.285</b>	<b>233.020.523.972</b>
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>47.636.959.413</b>	<b>38.826.273.140</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>47.610.109.413</b>	<b>38.799.423.140</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11a	5.845.321.194	6.827.112.676
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	70.331.885	684.844.801
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	13.637.191.532	12.363.714.140
4. Phải trả người lao động	314		8.968.061.775	4.785.847.803
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	2.849.796.024	688.097.362
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a	2.141.220.466	6.147.877.482
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		9.694.860.691	5.983.221.494
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	4.403.325.846	1.318.707.382
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>26.850.000</b>	<b>26.850.000</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.11b	1.850.000	1.850.000
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.15b	25.000.000	25.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

09 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (30/06/2023)	Số đầu năm (01/10/2022)
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>255.030.578.872</b>	<b>194.194.250.832</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.17</b>	<b>255.030.578.872</b>	<b>194.194.250.832</b>
I. Vốn góp của chủ sở hữu	411		100.529.200.000	78.539.680.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.529.200.000	78.539.680.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		323.060.671	323.060.671
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		41.002.773.233	9.187.651.245
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		113.175.544.968	106.143.858.916
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		8.747.522.864	93.452.288
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		104.428.022.104	106.050.406.628
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>302.667.538.285</b>	<b>233.020.523.972</b>

Người lập biểu



Dương Ngọc Lâm

TP Kế toán



Lương Quốc Quyền



**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

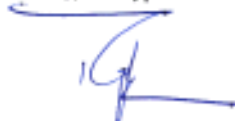
09 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
**Quý III niên độ 2022-2023 (từ 01/04-30/06/2023)**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	QUÝ III NIÊN ĐỘ 2022-2023		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM	
			Năm nay (01/04/2023- 30/6/2023)	Năm trước (01/04/2022- 30/6/2022)	Năm nay (01/10/2022- 30/6/2023)	Năm trước (01/10/2021- 30/6/2022)
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	201.693.665.562	172.699.117.733	545.367.146.494	436.719.801.325
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		382.301.800	0	908.516.500	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10	VI.1	201.311.363.762	172.699.117.733	544.458.629.994	436.719.801.325
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	131.893.975.351	125.925.489.890	378.990.151.700	321.655.425.328
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		69.417.388.411	46.773.627.843	165.468.478.294	115.064.375.997
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.511.484.539	815.028.865	4.945.452.804	2.217.462.325
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.426.770	697.001.773	513.947.439	1.332.166.447
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	697.001.773	98.627.408	1.171.870.023
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	11.631.813.359	9.007.097.279	30.980.177.559	18.675.952.298
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	4.729.056.884	4.363.425.451	18.917.102.224	16.690.301.097
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		55.566.575.937	33.521.132.205	120.002.703.876	80.583.418.480
11. Thu nhập khác	31	VI.7	0	57.964.027	0	112.864.027
12. Chi phí khác	32	VI.8	10.028.026	0	60.186.652	535.089.505
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(10.028.026)	57.964.027	(60.186.652)	(422.225.478)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		55.556.547.911	33.579.096.232	119.942.517.224	80.161.193.002
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	6.635.616.616	5.027.512.635	15.514.495.120	14.130.177.820
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52				0	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		48.920.931.295	28.551.583.597	104.428.022.104	66.031.015.182
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.10	4.526	2.402	9.661	6.130

Người lập biểu

  
 Dương Ngọc Lâm

TP Kế toán

  
 Lương Quốc Quyền


Yên Bái, ngày 07 năm 2023

Lê Long Giang



**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

09 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***(Theo phương pháp gián tiếp) (\*)***Quý III niên độ 2022-2023 (từ 01/04-30/06/2023)**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lấy kể từ đầu năm	
			Năm nay (01/10/2022- 30/06/2023)	Năm trước (01/10/2021- 30/06/2022)
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	01		<b>119.942.517.224</b>	<b>80.161.193.002</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao TSCĐ và BDSĐT	02		9.701.907.918	9.682.089.694
- Các khoản dự phòng	03		3.711.639.197	12.722.567.816
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(165.195.547)	(62.891.452)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.431.505.365)	885.295.878
- Chi phí lãi vay	06		98.627.408	1.171.870.023
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	08		<b>128.857.990.835</b>	<b>104.560.124.961</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(36.901.743.101)	(13.084.353.052)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(15.910.276.445)	(105.562.914.906)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		6.021.085.628	2.930.127.422
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.052.312.237	1.040.232.426
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14		(98.627.408)	(1.171.870.023)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(9.822.007.993)	(13.693.852.038)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		3.084.618.464	
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(4.338.910.000)	(3.259.446.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>72.944.442.217</b>	<b>(28.241.951.210)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(6.194.151.775)	(5.118.288.925)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		0	0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay (01/10/2022- 30/06/2023)	Năm trước (01/10/2021- 30/06/2022)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.364.937.226	921.008.334
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>		<i>(1.829.214.549)</i>	<i>(4.197.280.591)</i>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33		21.317.586.617	129.680.154.972
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(21.317.586.617)	(121.181.596.505)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(32.986.665.600)	(26.180.115.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(32.986.665.600)</i>	<i>(17.681.556.533)</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</i>	<i>50</i>		<i>38.128.562.068</i>	<i>(50.120.788.334)</i>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>153.562.737.459</b>	<b>78.943.429.566</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		56.468.868	16.957.063
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>191.747.768.395</b>	<b>28.839.598.295</b>

Người lập biểu  
  
Dương Ngọc Lâm

TP Kế toán  
  
Lương Quốc Quyền



11/20/2023 2:00 Z 7/4/11

# CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

09 tháng năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023

---

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP 09 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

- Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất, dịch vụ
- Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ:**
  - Chế biến, gia công, kinh doanh lâm sản;
  - Chế biến, gia công, kinh doanh nông sản thực phẩm;
  - Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa tổng hợp;
  - Sản xuất, chế biến tinh dầu quế và các sản phẩm từ quế
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng
- Cấu trúc doanh nghiệp:**  
Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

*Bao gồm:*

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy giấy Yên Bình	Xã Phú Thịnh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
Nhà máy giấy Văn Chấn	Xã Thượng Bằng La, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái
Nhà máy giấy Minh Quân	Xã Minh Quân, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái
Nhà máy gia công giấy xuất khẩu Nguyễn Phúc	Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái
Nhà máy sản Văn Yên	Xã Đông Công, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái
Nhà máy chế biến tinh dầu quế Văn Chấn	Xã Sơn Lương, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái
Nhà máy gia công giấy Phú Thịnh	Xã Phú Thịnh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
Nhà máy giấy Yên Hợp	Xã Yên Hợp, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái

### II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Kỳ kế toán năm**  
Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 năm trước và kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm sau.  
Theo nghị quyết Đại hội Đồng Cổ Đông năm 2018 riêng năm tài chính đầu 2019 của việc chuyển đổi được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 và kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2019
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính

## **CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

09 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

#### **2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản phải thu được hạch toán theo nguyên tắc giá gốc và các khoản dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

#### **3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

#### **4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

09 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Đối với máy móc thiết bị của Dự án sản Vân Yên số 2 áp dụng phương pháp khấu hao theo sản lượng, công suất thiết kế của dự án là 110.000 tấn sản phẩm (100 tấn sản phẩm/ngày, sản xuất 100 ngày/năm và thực hiện trong vòng 11 năm).

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Tại thời điểm lập báo cáo này phần mềm máy vi tính đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng.

Các tài sản cố định còn lại được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10

#### 5. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Là chi phí phục vụ cho nhiều kỳ sản xuất kinh doanh, được phân bổ cho kỳ sản xuất kinh doanh đến 12 tháng và trên 12 tháng.

#### 6. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ, được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### 7. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Phân ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính của doanh nghiệp.

Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

#### 8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí phát sinh trong kỳ.

#### 9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

09 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

### **10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Dự phòng phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền chi cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ có tính chất kế hoạch và xây ra thường xuyên.

### **11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày 30/06/2023: NH Bidv: 23.430 VND/USD; NH Techcombank: 23.427 VND/USD; NH Vietinbank: 23.380 VND/USD; NH Vietcombank: 23.410 VND/USD

### **12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

### **13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

### **14. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

### **15. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

## CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

09 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

### 16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Đối với thu nhập chịu thuế hoạt động sản xuất, chế biến nông sản tại các Nhà máy sản xuất, chế biến các sản phẩm từ sản tại địa bàn huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái (thuộc địa bàn kinh tế- xã hội khó khăn) thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thuế với suất thuế TNDN 10% trong suốt thời gian hoạt động (Áp dụng kể từ 01/01/2015).

Các dự án còn lại, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm là thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng.

### 17. Tài sản tài chính

#### *Phân loại tài sản tài chính*

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

#### *Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

#### *Các khoản cho vay và phải thu*

## CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

09 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

#### *Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

#### *Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính*

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

### 18. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

#### *Nợ phải trả tài chính*

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

#### *Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

#### *Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại tại thuận của nợ phải trả tài chính.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

09 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

#### *Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính*

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

#### *Công cụ vốn chủ sở hữu*

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

#### *Công cụ tài chính phức hợp*

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phái sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

#### **19. Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

#### **20. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

#### **21. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

09 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**

<b>1. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		<b>Cuối kỳ (30/06)</b>	<b>Đầu năm (01/10)</b>		
Tiền mặt		623.940.206	1.083.372.311		
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		14.723.828.189	25.279.365.148		
Các khoản tương đương tiền		176.400.000.000	127.200.000.000		
<i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ 06 tháng trở xuống</i>					
		<b>191.747.768.395</b>	<b>153.562.737.459</b>		
<b>2. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>Cuối kỳ</b>		<b>Đầu năm</b>	
	Giá gốc	Giá trị	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	
Đầu tư ngắn hạn khác	0	0	0	0	0
<b>Cộng</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		<b>Cuối kỳ (30/06)</b>	<b>Đầu năm (01/10)</b>		
JIN CAI SHEN TECHNOLOGY CO., LTD		16.162.537.192	6.922.387.933		
Công ty TNHH JIN TAIR UANTARNG CO.,LTD			3.132.353.593		
Công ty TNHH Giấy xuất khẩu Thái Bình		4.992.479.357	1.654.484.915		
Công ty TNHH Giấy Nhân Thành			1.397.605.004		
Công ty TNHH Thương mại Giang Biên		1.569.561.432	1.028.155.312		
Công ty TNHH Việt Phát		1.484.899.108	183.759.872		
HTX tiểu thủ công nghiệp dịch vụ tổng hợp Dũng Thành Phát		2.214.562.880	0		
HTX NN TIÊU NGẠCH LIỄU THỊNH TP BẮNG TƯỜNG		2.333.779.255	0		
Các khách hàng khác		4.755.115.432	1.968.931.787		
<b>Cộng</b>		<b>33.512.934.656</b>	<b>16.287.678.416</b>		
<b>4. Trả trước cho người bán</b>		<b>Cuối kỳ (30/06)</b>	<b>Đầu năm (01/10)</b>		
Công ty cổ phần Chứng nhận và Giám định Quốc tế ISOCERT		42.630.000	34.230.000		
Công ty TNHH Đại lý Vận tải Evergreen (Việt Nam)		0	10.000.000		
Công ty cổ phần tư vấn quy hoạch và PT công nghệ Á Châu		75.000.000	75.000.000		
Công ty cổ phần may xuất khẩu Yên Bái		0	113.620.000		
Công ty TNHH Đại Lục		2.021.600.000	0		
Chi nhánh công ty cổ phần EJC tại Yên Bái		75.000.000	0		
Các nhà cung cấp khác		29.032.500	12.408.500		
<b>Cộng</b>		<b>2.243.262.500</b>	<b>245.258.500</b>		
<b>5. Các khoản phải thu ngắn hạn khác</b>		<b>Cuối kỳ (30/06)</b>	<b>Đầu năm (01/10)</b>		
	Giá trị	Dự	Giá trị	Dự phòng	
Tạm ứng	1.101.120.000		473.844.260		
Lãi tiền gửi dự thu	1.429.428.493		515.731.643		
Thuế TNCN phải thu	395.966		27.035.382		
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	58.296.831		24.292.037		
<b>Cộng</b>	<b>2.589.241.290</b>		<b>1.040.903.322</b>		

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

09 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

		Nợ phải thu, cho vay dài hạn	Nợ phải thu, cho vay dài hạn	Cộng
<b>Số đầu năm</b>	<b>(5.657.550)</b>			-
Trích lập dự phòng bổ sung				-
Giảm do thu hồi được nợ		-		-
<b>Số cuối kỳ</b>		-		<b>(5.657.550)</b>

**7. Hàng tồn kho**

	Cuối kỳ (30/06)		Đầu năm (01/10)	
	Giá gốc	Dự	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu;	7.516.204.040		11.649.761.291	
Chi phí sản xuất KD dở dang;	2.136.397.676		2.500.844.390	
Thành phẩm;	23.403.779.232	-	2.995.498.822	
<b>Cộng</b>	<b>33.056.380.948</b>	-	<b>17.146.104.503</b>	-

**8. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền sửa chữa trạm biến áp NM Yên Bình	64.691.204	-
Tiền chi phí cắt củi nhà máy sản Văn Yên	0	98.143.500
Tiền sửa chữa NM Yên Hợp	321.015.631	0
Công cụ dụng cụ	182.590.960	47.351.040
<b>Cộng</b>	<b>568.297.795</b>	<b>145.494.540</b>

**9. Chi phí trả trước dài hạn**

	Cuối kỳ	Đầu năm
- Chi phí máy photo copy và bảo hiểm xe	54.180.000	91.734.655
- Chi phí sửa chữa đường ống nước thải và mái nhà xưởng tại Yên Bình	0	26.438.370
- Cải tạo khu tập thể NM giấy Yên Bình		148.253.178
- Chi phí Sửa chữa nhà cửa VKT tại Phú Thịnh	12.348.412	209.566.388
- Phí khai thác nước mặt, sửa chữa đường dây điện 35 Kw tại Yên Hợp	42.116.023	132.445.180
- Phí khai thác nước mặt và sửa chữa hệ thống nước thải tại Minh Quân	15.757.554	39.393.912
- Công cụ dụng cụ tại NM sản Văn Yên	0	14.208.217
- Cải tạo nhà cửa VKT NM sản Văn Yên		121.380.578
- Sửa chữa đường vào dây 2 và đường nội bộ NM		365.735.454
- Sửa chữa TBA 1250 KVA-NM sản	0	34.736.500
- Chi phí cải tạo hồ Biogas C2 tại NM sản Văn Yên	330.331.489	1.349.742.338
- Chi phí sửa chữa bể xử lý nước thải tại NM giấy Yên Bình	64.589.681	258.358.744
- Chi phí sửa chữa cải tạo máy xeo dây 1 tại NM giấy Yên Bình	57.634.270	230.533.957
- Lập hồ sơ cấp giấy phép xả thải Yên Bình, Văn Chấn	19.696.978	49.242.427
<b>Cộng</b>	<b>596.654.406</b>	<b>3.071.769.898</b>

**10. Phải thu dài hạn khác**

	Cuối kỳ	Đầu năm
	Giá trị	Giá trị
Thuế của nhà thầu nước ngoài	0	0
<b>Cộng</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

09 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

**11. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	70.880.231.201	98.628.774.512	6.685.893.804	271.871.369	609.470.036	<b>177.076.240.922</b>
Tăng trong kỳ	3.179.418.648	305.558.000	0	0	0	3.484.976.648
-Do mua sắm mới	3.179.418.648	305.558.000	0	0	0	3.484.976.648
-Do phân loại TSCĐ						0
-Do XDCB hoàn thành	3.179.418.648					3.179.418.648
Giảm trong kỳ	(511.995.695)	0	0	0	0	(511.995.695)
- Giảm theo TT145/2013/TT-BTC						-
- Thanh lý, nhượng bán	(511.995.695)					(511.995.695)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>73.547.654.154</b>	<b>98.934.332.512</b>	<b>6.685.893.804</b>	<b>271.871.369</b>	<b>609.470.036</b>	<b>180.049.221.875</b>
<i>Trong đó:</i>						
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn SD</i>	51.781.807.602	49.419.649.470	3.109.693.803	271.871.369	609.470.036	105.192.492.280
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	59.947.331.028	74.010.526.713	4.220.219.028	266.776.330	609.470.036	<b>139.054.323.135</b>
- Tăng do trích khấu hao trong kỳ	3.034.605.513	6.178.250.546	483.956.820	5.095.039	0	9.701.907.918
- Tăng do điều chỉnh phân loại						0
Giảm trong kỳ	(511.995.695)	0	0	0	0	(511.995.695)
- Giảm theo TT145/2013/TT-BTC						-
- Thanh lý, nhượng bán	(511.995.695)					(511.995.695)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>62.469.940.846</b>	<b>80.188.777.259</b>	<b>4.704.175.848</b>	<b>271.871.369</b>	<b>609.470.036</b>	<b>148.244.235.358</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	10.932.900.173	24.618.247.799	2.465.674.776	5.095.039	-	38.021.917.787
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>11.077.713.308</b>	<b>18.745.555.253</b>	<b>1.981.717.956</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>31.804.986.517</b>

**12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

- Là phần mềm kế toán cũ năm 2006 đã được thanh lý và thay thế phần mềm kế toán FAST 11 đưa vào sử dụng từ 01/01/2018

Nguyên giá	Giá trị KH kỳ	Giá trị đã KH	Giá trị còn lại
171.000.000	0	171.000.000	0

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

09 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp 09 tháng niên độ 2022-2023 (tiếp theo)****13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí trong kỳ	Số cuối kỳ
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>3.411.653.220</b>	<b>3.293.917.548</b>	<b>3.179.418.648</b>	<b>0</b>	<b>3.526.152.120</b>
- Giải phóng mặt bằng mở rộng nhà máy sản Văn Yên số 2	2.919.153.220	114.498.900	0	0	3.033.652.120
- Giải phóng mặt bằng, sửa chữa mở rộng nhà máy giấy Minh Quân	312.500.000	0	0	0	312.500.000
- Giải phóng mặt bằng, sửa chữa mở rộng nhà máy giấy Văn Chấn	180.000.000	0	0	0	180.000.000
- Kho TP đầy chuyển 1 - NM sản Văn Yên		3.179.418.648	3.179.418.648	0	0
<b>Sửa chữa lớn tài sản cố định</b>	<b>0</b>	<b>5.104.562.608</b>	<b>0</b>	<b>2.509.886.381</b>	<b>2.594.676.227</b>
- Nhà máy giấy Yên Bình		1.826.429.036		1.160.190.659	666.238.377
- Nhà máy giấy Văn Chấn		670.696.202		289.898.000	380.798.202
- Nhà máy giấy Minh Quân		1.174.159.982		1.059.797.722	114.362.260
- Bao quản tình bột sản - Nhà máy sản Văn Yên		805.055.797			805.055.797
- Cài tạo hệ thống sấy đầy chuyển 1 -NM sản Văn Yên		628.221.591			628.221.591
<b>Cộng</b>	<b>3.411.653.220</b>	<b>8.398.480.156</b>	<b>3.179.418.648</b>	<b>2.509.886.381</b>	<b>6.120.828.347</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

09 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****14. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
Công ty TNHH An Hoa	732.600.000	976.866.000
Công ty cổ phần Đông á		665.258.832
Công ty TNHH TM Phúc Hưng	958.794.760	970.249.536
Công ty TNHH TM & DV Vận tải Thủy Trường Giang	424.500.000	-
Công ty TNHH TM Hải Ngọc	456.680.000	515.862.000
Công ty cổ phần thương mại đầu tư Vân Long CDC	668.190.380	935.615.124
Công ty TNHH Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Hồng Quân		395.340.600
Công ty TNHH TM Hòa chất Ngọc Diệp	577.265.015	474.603.487
Các nhà cung cấp khác	2.027.291.039	1.893.317.097
<b>Cộng</b>	<b>5.845.321.194</b>	<b>6.827.112.676</b>

**15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
Công ty TNHH Thương mại Phúc Hưng		358.581.600
HTX tiểu thủ CN DV tổng hợp Dũng Thành Phát		215.505.224
Các khách hàng khác	70.331.885	110.757.977
<b>Cộng</b>	<b>70.331.885</b>	<b>684.844.801</b>

**16. Thuế và các khoản phải nộp**

	<b>Đầu năm</b>		<b>Số phát sinh trong kỳ</b>		<b>Số cuối kỳ</b>	
	<b>Phải nộp</b>	<b>Phải thu</b>	<b>Số phải nộp</b>	<b>Số đã thực nộp</b>	<b>Phải nộp</b>	<b>Phải thu</b>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	6.532.007.618		<b>3.946.546.957</b>	8.486.370.274	1.992.184.301	
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	0		106.384.506	106.384.506	0	
Thuế nhập khẩu	0		0	0	0	
Thuế TNDN	5.819.666.142		15.514.495.120	9.822.007.993	11.512.153.269	
Thuế TNCN	0	92.663.877	3.457.837.602	3.798.014.706		432.840.981
Thuế tài nguyên	12.040.380		184.184.917	183.944.797	12.280.500	
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	0		151.348.164	30.774.702	120.573.462	
<b>Cộng</b>	<b>12.363.714.140</b>	<b>92.663.877</b>	<b>23.360.797.266</b>	<b>22.427.496.978</b>	<b>13.637.191.532</b>	<b>432.840.981</b>

**17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
Phí bảo vệ môi trường rừng, thuế tài nguyên	69.676.702	358.429.225
Chi phí tiền điện (các NM)	520.752.491	274.668.137
Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải CN	45.981.431	-
Chi phí bảo quản sản phẩm tinh bột sắn	925.041.000	0
Chi phí xử lý MT sản (Duy trì hồ Biogas)	701.520.260	0
Chi phí nhân giống, ủ phân	114.648.322	0
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	472.175.818	55.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.849.796.024</b>	<b>688.097.362</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

09 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

<b>18. Phải trả ngắn hạn khác</b>	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
Kinh phí công đoàn	46.305.992	135.849.686
Bảo hiểm xã hội	0	726.111.675
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.767.200.000	4.943.200.000
<i>Công ty TNHH Thương mại Hải Ngọc</i>	<i>848.000.000</i>	<i>2.675.500.000</i>
<i>Công ty TNHH Thương mại Phúc Hưng</i>	<i>500.000.000</i>	<i>1.765.800.000</i>
<i>Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu Toàn Cầu An Phát</i>	<i>419.200.000</i>	<i>0</i>
<i>Công ty TNHH Nông nghiệp Quốc tế TPP</i>	<i>0</i>	<i>501.900.000</i>
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	327.714.474	342.716.121
<b>Cộng</b>	<b>2.141.220.466</b>	<b>6.147.877.482</b>

<b>19.Vay, nợ thuê TC ngắn hạn</b>	<b>Đầu năm</b>		<b>Cuối kỳ</b>	
	<b>Giá trị</b>	<b>Khả năng trả</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Khả năng trả</b>
Vay ngắn hạn NH Bidv Ybái	0	0	0	0
Vay ngắn hạn NH Vietin Bank YBái	0	0	0	0
<b>Cộng</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

**Chi tiết phát sinh các khoản vay trong kỳ như sau:**

	<b>Đầu năm</b>	<b>Số tiền vay phát sinh trong</b>	<b>Số tiền vay đã trả trong kỳ</b>	<b>Cuối kỳ</b>
Vay ngắn hạn NH Công Thương YB		21.317.586.617	21.317.586.617	0
	<b>0</b>	<b>21.317.586.617</b>	<b>21.317.586.617</b>	<b>0</b>

**20. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
Dự phòng chi phí tiền sáng kiến, cải tiến, hợp lý hóa sản xuất	0	10.000.000
Tiền lương bổ sung	8.112.550.000	5.973.221.494
Sửa chữa lớn MMTB, Nhà cửa VKT giấy Yên Bình	507.677.829	0
Sửa chữa lớn MMTB, Nhà cửa VKT giấy Văn Chấn	478.981.716	0
Sửa chữa lớn MMTB, Nhà cửa VKT giấy Minh Quân	110.514.854	0
Sửa chữa lớn MMTB, Nhà cửa VKT giấy Yên Hợp	170.128.680	0
Sửa chữa lớn MMTB Nhà máy sản Văn Yên	315.007.612	0
<b>Cộng</b>	<b>9.694.860.691</b>	<b>5.983.221.494</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

09 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****21. Quỹ khen thưởng phúc lợi**

	<b>Đầu năm</b>	<b>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</b>	<b>Chi quỹ trong kỳ</b>	<b>Cuối kỳ</b>
Quỹ khen thưởng	843.792.934	5.302.520.331	3.775.995.552	2.370.317.713
Quỹ phúc lợi	474.914.448	2.121.008.133	562.914.448	2.033.008.133
	<b>1.318.707.382</b>	<b>7.423.528.464</b>	<b>4.338.910.000</b>	<b>4.403.325.846</b>

**22. Phải trả người bán**

Công ty TNHH thiết bị công nghiệp HTC Vĩnh Phúc

**Cộng**

	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
Công ty TNHH thiết bị công nghiệp HTC Vĩnh Phúc	1.850.000	1.850.000
<b>Cộng</b>	<b>1.850.000</b>	<b>1.850.000</b>

**23. Phải trả dài hạn**

Ông Hà Xuân Quảng

Công ty TNHH DV vận tải Đỗ Cường

**Cộng**

	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
Ông Hà Xuân Quảng	5.000.000	5.000.000
Công ty TNHH DV vận tải Đỗ Cường	20.000.000	20.000.000
<b>Cộng</b>	<b>25.000.000</b>	<b>25.000.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

09 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

**24 Vốn đầu tư của chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của chủ sở hữu**

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn CP	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	52.360.230.000	323.060.671	8.042.628.692	58.750.641.328	119.476.560.691
Lợi nhuận trong kỳ				106.050.406.628	106.050.406.628
Trích lập các quỹ trong kỳ			1.145.022.553	(5.152.601.487)	(4.007.578.934)
Tăng vốn ĐL từ lợi nhuận	26.179.450.000			(26.179.450.000)	0
Chi cổ tức trong năm				(26.180.115.000)	(26.180.115.000)
Thưởng Ban lãnh đạo				(1.145.022.553)	(1.145.022.553)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>78.539.680.000</b>	<b>323.060.671</b>	<b>9.187.651.245</b>	<b>106.143.858.916</b>	<b>194.194.250.832</b>
Số dư đầu năm nay	78.539.680.000	323.060.671	9.187.651.245	106.143.858.916	194.194.250.832
Lợi nhuận trong kỳ				104.428.022.104	104.428.022.104
Trích lập các quỹ trong kỳ			31.815.121.988	(39.238.650.452)	(7.423.528.464)
Tăng vốn ĐL từ lợi nhuận	21.989.520.000			(21.989.520.000)	-
Chia cổ tức, lợi nhuận				(32.986.665.600)	(32.986.665.600)
Thưởng Ban lãnh đạo				(3.181.500.000)	(3.181.500.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>100.529.200.000</b>	<b>323.060.671</b>	<b>41.002.773.233</b>	<b>113.175.544.968</b>	<b>255.030.578.872</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

09 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp** (tiếp theo)

<b>b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu</b>	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
Vốn góp của các cổ đông	100.529.200.000	78.539.680.000
Thặng dư vốn cổ phần	323.060.671	323.060.671
<b>Cộng</b>	<b>100.852.260.671</b>	<b>78.862.740.671</b>
<b>c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	100.529.200.000	78.539.680.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	0	0
<b>d) Cổ phiếu</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	7.853.968	7.853.968
- Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong tháng 5/2023 từ LNST chưa phân phối	2.198.952	
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	<b>10.052.920</b>	<b>7.853.968</b>
<b>đ) Cổ tức</b>		
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	9.661	6.130
<b>e) Các quỹ của doanh nghiệp:</b>		
- Quỹ đầu tư phát triển:	41.002.773.233	9.187.651.245

**25. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán**

Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công

Nợ khó đòi đã xử lý

Ngoại tệ các loại: USD

	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công	7.273.297.327	3.847.514.516
Nợ khó đòi đã xử lý		
Ngoại tệ các loại: USD	304.629,58	1.037.283,76

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

Đơn vị tính: VND

<b>1. Tổng doanh thu bán hàng và dịch vụ</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
hóa	545.367.146.494	436.719.801.325
<b>Trong đó:</b> Doanh thu nội địa	545.367.146.494	436.719.801.325
DT xuất khẩu trực tiếp	172.794.490.811	208.226.622.851
- DT Sản phẩm Giấy vàng mã	372.572.655.683	228.493.178.474
Tương đương Tiền USD	53.536.504.317	80.432.229.326
- DT Sản phẩm Giấy dẻ XK	2.284.955,37	3.465.412,72
Tương đương Tiền USD	24.489.204.366	25.573.910.424
- DT Sản phẩm Tinh bột sắn	1.045.207,19	1.101.848,79
Tương đương Tiền USD	294.546.947.000	122.487.038.724
Quy ra USD	12.571.359,24	5.277.339,02
<b>Tổng cộng USD:</b>	<b>15.901.521,80</b>	<b>9.844.600,54</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	908.516.500	0
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>544.458.629.994</b>	<b>436.719.801.325</b>

<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	908.516.500	0

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

09 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

	Năm nay	Năm trước
<b>3. Giá vốn hàng bán</b>		
- Giá vốn của thành phẩm đã bán;	378.990.151.700	321.655.425.328
	<b>378.990.151.700</b>	<b>321.655.425.328</b>
<b>4. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.256.472.296	700.412.955
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	474.641.088	1.296.453.991
- Lãi C/lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại	105.874.490	0
- Doanh thu hoạt động tài chính	108.464.930	220.595.379
<b>Cộng</b>	<b>4.945.452.804</b>	<b>2.217.462.325</b>
<b>5. Chi phí tài chính</b>		
- Chi phí lãi vay	98.627.408	1.171.870.023
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	63.294.228	160.296.424
- Lỗ C/lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại	352.025.803	
- Chi phí tài chính khác		
	<b>513.947.439</b>	<b>1.332.166.447</b>
<b>6. Thu nhập khác</b>		
- Lãi bán phế liệu	0	112.864.027
<b>Cộng</b>	<b>0</b>	<b>112.864.027</b>
<b>7. Chi phí khác</b>		
- Các khoản bị phạt; chậm nộp	59.528.026	472.684.011
- Chi phí khác	658.626	0
- Lỗ thanh lý TSCĐ	0	62.405.494
<b>Cộng</b>	<b>60.186.652</b>	<b>535.089.505</b>
<b>8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh		
Chi phí nhân viên quản lý	10.266.244.409	10.724.162.763
Chi phí vật liệu quản lý	342.223.028	264.940.185
Chi phí đồ dùng văn phòng	571.030.778	479.474.648
Chi phí khấu hao TSCĐ	773.111.780	872.703.535
Thuế, phí và lệ phí	1.342.519.464	1.180.038.488
Chi phí dịch vụ mua ngoài	677.147.882	715.700.258
Chi phí dự phòng trợ cấp thôi việc	213.653.500	11.894.000
Chi phí bằng tiền khác	4.731.171.383	2.441.387.220
<b>Cộng</b>	<b>18.917.102.224</b>	<b>16.690.301.097</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

09 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

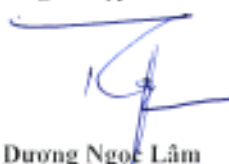
**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ**

- Chi phí cho nhân viên	37.400.000	
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.851.124.559	18.675.952.298
- Chi phí khác	91.653.000	
<b>Cộng</b>	<b>30.980.177.559</b>	<b>18.675.952.298</b>

**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	15.514.495.120	12.623.871.915
- Truy thu thuế TNDN theo kết luận của thanh tra thuế		1.506.305.905
	<b>15.514.495.120</b>	<b>14.130.177.820</b>

Người lập biểu



Dương Ngọc Lâm

TP Kế toán



Lương Quốc Quyền

Lập, ngày 17 tháng 07 năm 2023



Giám đốc

Lê Long Giang

## CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

09 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty

Đơn vị tính: VND

Năm nay	Tại Văn phòng Công ty (hoạt động khác)		Giấy vàng mã	Tinh bột sắn	Tinh dầu quế	Giấy lẻ + Ván bóc+rác ván	Loại trừ nội bộ	Cộng
	Giấy để	Giấy vẽ						
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	105.749.454,056	53.536.504,317	385.051.660,849	-	1.029.527,272	-	545.367.146,494	
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	7.404.139,250	8.781.587,537	102.020.664,885	-	(143.137,027,858)	-	-	
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>7.404.139,250</b>	<b>62.318.091,854</b>	<b>487.072.325,734</b>	<b>-</b>	<b>1.029.527,272</b>	<b>(143.137,027,858)</b>	<b>545.367.146,494</b>	
Chi phí bộ phận	-	47.306.971,400	301.658.575,020	-	-	-	427.857.904,231	
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	-	6.229.532,917	83.393.085,829	-	-	-	116.479.714,991	
Các khoản giảm trừ Doanh thu	-	(908.516,500)	-	-	-	-	(908.516,500)	
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	-	-	4.945.452,804	
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	-	(513.947,439)	
Thu nhập khác	-	-	-	-	-	-	(60.186,652)	
Chi phí khác	-	-	-	-	-	-	-	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	-	-	(15.514.495,120)	
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>104.428.022,084</b>	

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

09 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Số cuối năm	Tại Văn phòng Công ty (hoạt động khác)					Tích đầu quá	Cộng
	Tài sản trực tiếp của bộ phận	Tài sản phân bổ cho bộ phận	Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	Tổng tài sản	Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận		
	267.241.391.589	(30.111.056.512)	-	237.130.335.077	22.219.195.020	11.415.473.767	302.667.538.285
				2.607.568.705	5.365.307.202	23.879.697.959	-
				2.607.568.705	27.584.502.222	35.295.171.726	302.667.538.285
	12.431.223.075	-	-	12.431.223.075	25.343.390.325	8.290.449.712	47.636.959.413
				1.541.165.864	-	-	-
				1.541.165.864	25.343.390.325	8.290.449.712	47.636.959.413
	215.137.092.379	(36.320.583.987)	-	178.816.508.392	10.291.210.056	5.704.746.173	233.020.523.972
				2.902.299.561	7.737.744.078	27.437.383.078	-
				2.902.299.561	18.028.954.134	33.142.129.251	233.020.523.972
	20.942.841.547	-	-	20.942.841.547	10.291.210.056	5.704.746.173	38.826.273.140
				1.856.744.927	-	-	-
				1.856.744.927	10.291.210.056	5.704.746.173	38.826.273.140
	20.942.841.547	-	-	20.942.841.547	10.291.210.056	5.704.746.173	38.826.273.140

# CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

09 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

### Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu ở khu vực trong nước (nội địa) và khu vực nước ngoài (xuất khẩu)

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

Đơn vị tính: VND


	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Khu vực nội địa	172.794.490.811	208.226.622.851
Khu vực xuất khẩu	372.572.655.683	228.493.178.474
<b>Cộng</b>	<b><u>545.367.146.494</u></b>	<b><u>436.719.801.325</u></b>

Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác

Đơn vị tính: VND

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	(6.194.151.775)	(5.118.288.925)
<b>Cộng</b>	<b><u>(6.194.151.775)</u></b>	<b><u>(5.118.288.925)</u></b>

Người lập biểu

  
Dương Ngọc Lâm

TP Kế toán

  
Lương Quốc Quyền

